TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trà Minh Châu**.

Ông **Lê Hồng Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Gia Mẫn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị Thu L**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Văn H**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị Thu L trình bày:***

Bà Lý Thị Thu L và ông Lâm Văn H quen biết và tìm hiểu nhau, đến ngày 05/01/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó do ông Lâm Văn H không quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng ý kiến, thường xuyên cải vã nên vợ chồng ly thân dù được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung. Nay bà Lý Thị Thu L thấy rằng tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay Bà Lý Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Văn H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lý Thị Thu L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân Lý Thị Thu L (bản đối chiếu bản chính);

+ Giấy đăng ký kết hôn số 21/2011 do UBND xã B cấp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Lâm Văn H. Nhưng ông Lâm Văn H thường xuyên không có mặt tại nhà và có ông Lâm E là cha ruột ngụ cùng địa chỉ nhận thay. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Lâm Văn H không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Lý Thị Thu L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn H. Bà Lý Thị Thu L xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lâm Văn H vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị Thu L đối với ông Lâm Văn H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2024, bà Lý Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Văn H có nơi cư trú tại: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Lâm Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Văn H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị Thu L về việc ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thu L cùng ông Lâm Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011, quyển số 01 ngày 05/01/2011. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Thu L và ông Lâm Văn H là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Lý Thị Thu L: Bà Lý Thị Thu L và ông Lâm Văn H quen biết và tìm hiểu nhau, đến ngày 05/01/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được nửa tháng (15 ngày) sau khi kết hôn do ông Lâm Văn H không quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng ý kiến, thường xuyên cải vã nên vợ chồng ly thân dù được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn H không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Lý Thị Thu L đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân chỉ sau 15 ngày kết hôn cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Lý Thị Thu L, ông Lâm Văn H hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Lâm Văn H đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu L cho bà Lý Thị Thu L được ly hôn với ông Lâm Văn H.

[2.3] Về con chung: Bà Lý Thị Thu L xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Lý Thị Thu L và ông Lâm Văn H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Lý Thị Thu L xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lý Thị Thu L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Lâm Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lý Thị Thu L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lâm Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thu L được ly hôn với ông Lâm Văn H.

2/ Về con chung: Bà Lý Thị Thu L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Lý Thị Thu L xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lý Thị Thu L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003350, ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lý Thị Thu L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Lâm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc